

Bản án số: 112/2017/DS-ST

Ngày: 29-9-2017

V/v tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Đức Thụy;

- Bà Đặng Thị Kim Xuyên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 205/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2017/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị G, sinh năm 1972; (có mặt).

Cư trú: Ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh A.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978; (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị Trường A, sinh năm 1980; (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1982; (vắng mặt).

Cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh A.

- Ông Bùi Ngọc S, sinh năm 1984; (có văn bản đề nghị vắng mặt).

Cư trú: Ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Dương Thị G trình bày: Giữa bà với ông Đ và bà A là bạn thân với nhau. Ông Đ, bà A làm ruộng và có hỏi mượn tiền bà để mua đất. Do tin tưởng là bạn bè với nhau nên bà có cho ông Đ và bà A mượn 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) vào ngày 11/7/2014 và hẹn một năm sau sẽ trả lại nhưng ông Đ và bà A không thực hiện đúng như cam kết. Khi vay thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng nhưng ông Đ và bà A không có đóng lãi theo thỏa thuận. Nay, bà yêu cầu ông Đ và bà A trả lại bà 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) không yêu cầu tính lãi. Bà không yêu cầu ông B và ông S (là người đứng ra bảo lãnh cho ông Đ và bà A) trả cho bà số tiền trên.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Ngọc S trình bày: Ông và ông B là bạn bè và ông B có nhờ ông ký tên bảo lãnh để ông Đ được vay 100.000.000 đồng của bà G. Khi vay tiền thì ông Đ và bà A vẫn còn sống chung với nhau và lúc nhận tiền thì ông Đ, bà A cùng nhận tiền nhưng chỉ có ông Đ ký tên vào biên nhận. Ông chỉ ký tên bảo lãnh để ông Đ, bà A được vay tiền của bà G nên ông Đ, bà A phải có trách nhiệm trả tiền cho bà G. Do ông bận việc nên ông xin Tòa án cho ông được vắng mặt trong suốt thời gian Tòa án giải quyết vụ án kể cả phiên tòa xét xử.

Do ông Đ, bà A, ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và hiện nay bà đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00465 cấp ngày 26/3/2014 mang tên Nguyễn Văn Đ. Khi vay, hai bên thỏa thuận thế chấp giấy đất để làm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ. Khi nào ông Đ, bà A trả đủ tiền cho bà thì bà đồng ý trả giấy đất lại cho ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ngày 11/7/2014(âl), bà G có cho vợ chồng ông Đ, bà A vay 100.000.000 đồng, thời hạn 01 năm. Đến hạn, ông Đ, bà A không thực hiện nghĩa vụ như thỏa thuận. Nay, bà G yêu cầu ông Đ, bà A trả 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Phía ông Đ, bà A được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Xét thấy, bà G căn cứ vào biên nhận ngày 11/7/2014(âl), thể hiện nội dung “Ông Đ có cầm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà G để vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn 01 năm” và tại biên bản ghi lời khai ngày 20/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, ông Đ, bà A thừa nhận có nợ

100.000.000 đồng nên việc bà G khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà A trả 100.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00465 ngày 26/3/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới, ông Đ đã thế chấp cho bà G để đảm bảo số nợ. Đây là giao dịch phát sinh trong nhân dân, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ nên căn cứ các Điều 127, 137 Bộ luật dân sự 2005 tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất vô hiệu và buộc bà G giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Đ. Riêng ông S, ông B là người bảo lãnh cho ông Đ vay tiền nhưng do bà G không yêu cầu nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà G khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Đ, bà A. Ông Đ, bà A cư trú tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh A, căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông S có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, ông Đ, bà A, ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Giữa bà G với ông Đ có xác lập hợp đồng vay tài sản vào ngày 11/7/2014(âl) thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, thời hạn trả nợ là sau 01 năm, ông Đ có ký tên vào tờ biên nhận và ông S, ông B có ký tên bảo lãnh cho ông Đ. Xét thấy, hợp đồng này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp.

Mặc dù, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Đ và bà A nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ thấy rằng trước đây bà G có khởi kiện ông Đ, bà A trả 100.000.000 đồng và ông Đ, bà A có thừa nhận nợ bà G số tiền 100.000.000 đồng. Sau đó bà G rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện do hai bên tự thỏa thuận cách trả nhưng ông Đ, bà A không thực hiện nên bà G khởi kiện lại. Do ông Đ, bà A vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bà G không yêu cầu ông B và ông S là người bảo lãnh trả thay nên ông Đ, bà A phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ cho bà G là phù hợp Điều 474 Bộ luật dân sự 2005.

Đối với việc ông Đ thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00465 cấp ngày 26/3/2014 cho bà G để đảm bảo số nợ. Xét thấy, đây là giao dịch phát sinh trong nhân dân, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ nên căn cứ các Điều 127, 137 Bộ luật dân sự 2005 tuyên bố hợp đồng thế chấp

quyền sử dụng đất vô hiệu và buộc bà G giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Đ là phù hợp.

Đối với việc ông S, ông B là người bảo lãnh cho ông Đ vay tiền nhưng do bà G không yêu cầu nên không đề cập đến.

Về lãi suất: Bà G không yêu cầu tính lãi nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông Đ, bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 298, 305, 474, 127, 137 Bộ luật Dân sự 2005;

Các Điều 26, 35, 39, 92, 144, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị G.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Trường A có trách nhiệm liên đới trả cho bà Dương Thị G số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập giữa bà G và ông Đ lập kèm theo biên nhận vay tiền ngày 11/7/2014 (âl) là vô hiệu. Buộc bà G giao trả cho ông Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00465 được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 26/3/2014 cho ông Nguyễn Văn Đ.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Trường A phải chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng.

- Bà Dương Thị G được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0014078 ngày 21/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho bên được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THA dân sự Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lại Hiệp Phong